

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-PT

Ngày 02/4/2026

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con và  
chia tài sản chung*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Quốc.

*Các Thẩm phán:* 1/- Ông Võ Bảo Anh.

2/- Bà Võ Thị Phụng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Kim Mộc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thanh Giềng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2025/TLPT-HNGĐ ngày 31/12/2025, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 84/2025/HNGĐ-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 244/2026/QĐ-PT ngày 23/02/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng N, sinh năm: 1994. Số CCCD: 094194009119 cấp ngày 09/8/2021.

2. Bị đơn: Anh Phan Văn Đ, sinh năm: 1986. Số CCCD: 094086015742 cấp ngày 09/8/2021.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Văn Đ1 và bà Võ Thị P.

Tất cả đương sự cùng cư trú: ấp H, xã A, thành phố Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN

\* Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng N trình bày:

Chị và anh Phan Văn Đ quen biết nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân và tổ chức lễ cưới năm 2014, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Phan Lê Phát L (nam) sinh ngày 24/6/2015 và Phan Lê Phát Đ2 (nam) sinh ngày 06/9/2018 hiện đang sống chung với anh Đ. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, về sau thường xuyên cãi vã bất đồng, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, mục đích

không đạt nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh Đ, yêu cầu được nuôi 02 con chung không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng có số nữ trang ngày cưới 07 chỉ vàng 24k. Trong lúc chị đi làm Công ty thì ở nhà anh Đ tự ý mở tủ lấy hết số vàng cưới đem cất giữ riêng. Nay chị yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  số vàng cưới và xin nhận giá trị bằng tiền tạm tính tương đương số tiền là 39.550.000đ.

Ngoài ra, vợ chồng có 01 xe gắn máy Honda GSX biển kiểm soát: 83C1-609.42, giá trị lúc mua năm 2020 là 25.000.000đ, giá trị hiện nay khoảng 20.000.000đ, hiện anh Đ quản lý, sử dụng xe và giấy tờ xe. Chị yêu cầu chia đôi, xin nhận giá trị tương đương 10.000.000đ.

Về nợ chung: xác định không có, nên không yêu cầu giải quyết.

*\* Bị đơn anh Phan Văn Đ có yêu cầu phản tố trình bày:*

Thống nhất lời bày của chị N về việc xác lập quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn vợ chồng. Về tài sản chung anh yêu cầu chia đôi gồm: số tiền 37.000.000đ do chơi hụi năm 2023; số tiền 26.000.000đ do chơi hụi năm 2024; 05 chỉ vàng 24k do thu hoạch vụ mùa vú sữa năm 2023 và số vàng cưới 07 chỉ vàng 24k. Đồng thời anh cũng xác định đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm anh rút lại một phần không yêu cầu chia 05 chỉ vàng từ tiền thu hoạch vú sữa.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Đ1 và bà Võ Thị Phương trình B:*

Năm 2020 ông bà có mua 01 xe Honda RSX, do ông bà không biết lái xe và lớn tuổi, nên để cho con là Phan Văn Đ đứng tên, việc này chị N cũng thừa nhận. Nay ông, bà yêu cầu Tòa án công nhận chiếc xe nói trên là tài sản thuộc sở hữu của ông, bà và buộc trả lại xe cho ông bà.

*Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ đưa ra xét xử; tại Bản án sơ thẩm số 84/2025/HNGĐ-ST ngày 22/9/2025 đã tuyên:*

*Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng N; một phần yêu cầu phản tố của ông Phan Văn Đ; yêu cầu độc lập của ông Phan Văn Đ1 và bà Võ Thị P.*

*- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Hồng N với ông Phan Văn Đ.*

*- Về con chung: Giao con chung tên Phan Lê Phát L, sinh ngày 24/6/2015; Phan Lê Phát Đ2, sinh ngày: 06/9/2018 cho ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Bà Lê Thị Hồng N không phải cấp dưỡng cho con. Dành quyền thăm nom con chung cho bà N không ai được cản trở. Ông Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.*

*- Về tài sản chung:*

*+ Ghi nhận sự thống nhất và thỏa thuận có 06 chỉ vàng 24k và ông Phan Văn Đ chia cho bà Lê Thị Hồng N 03 chỉ 24k quy đổi thành tiền là 30.000.000 đồng.*

+ Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn Đ chia số tiền hụi 37.000.000đ và 26.000.000đ.

+ Công nhận xe mô tô Honda RSX biển kiểm soát 83C1-609.42 là tài sản của vợ chồng ông Phan Văn Đ1, bà Võ Thị P. Buộc ông Phan Văn Đ có nghĩa vụ giao trả xe cho vợ chồng ông Đ1, bà P.

+ Không chấp nhận yêu cầu chia đôi giá trị xe mô tô Honda RSX biển kiểm soát 83C1-609.42 của bà Lê Thị Hồng N với số tiền 7.500.000đ.

- Về nợ chung: xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/10/2025 bị đơn kháng cáo yêu cầu chia đôi 02 khoản tiền hụi vợ chồng đã tham gia năm 2023 và 2024.

Ngày 06/10/2025 nguyên đơn kháng cáo yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Lê Phát Đ2, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu kháng cáo. Bị đơn xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và ý kiến đã trình bày.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến: đương sự và Tòa án đã thực hiện đúng quy định về pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung: phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xét nội dung kháng cáo của bị đơn không có cơ sở, đề nghị bác kháng cáo; đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của nguyên đơn do đã rút yêu cầu tại phiên tòa phúc thẩm; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các bên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

### **\* Về tố tụng:**

[1] Chị Lê Thị Hồng N và anh Phan Văn Đ xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nên án sơ thẩm xác định quan hệ hôn nhân của anh chị hợp pháp và xét xử theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” là có căn cứ.

\* Về nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm, cả nguyên đơn và bị đơn đều có kháng cáo; Xét nội dung kháng cáo, thấy rằng:

[2] Đối với kháng cáo của bị đơn anh Đ yêu cầu chia đôi 02 khoản tiền hụi vợ chồng đã tham gia và hốt hụi của năm 2023 là 37.000.000đ và năm 2024 là 26.000.000đ; tổng cộng 63.000.000đ, chia đôi mỗi người 31.500.000đ. Xét rằng: như cấp sơ thẩm đã phân tích, chính bị đơn cũng xác định toàn bộ chi tiêu trong gia đình là do chị N quản lý, cha mẹ cũng có đưa tiền nhưng chỉ thỉnh thoảng; thu nhập của gia đình chủ yếu từ nguồn thu hoạch vú sữa mỗi năm 01 lần và từ thu nhập khác khoảng 10.000.000đ tháng. Như vậy, với mức thu nhập này không thể đủ chi hàng tháng cho sinh hoạt gia đình, chưa kể đến các thứ tả sửa cho các con, thuốc men khi trẻ đau bệnh... Mặt khác, chính anh Đ cũng thừa nhận chơi hụi là do chị N trực tiếp tham gia bằng chính số tiền của chị đi làm Công ty. Do vậy, cấp sơ thẩm công nhận lời trình bày của chị N toàn bộ số tiền

hốt hụi đã được chi trang trải, chi phí hết vào sinh hoạt hàng ngày của gia đình là phù hợp và có căn cứ. Kháng cáo của anh Đ không có cơ sở.

[3] Đối với kháng cáo của nguyên đơn chị N, tại phiên tòa phúc thẩm chỉ xác định rút lại yêu cầu này. Xét đây là sự tự nguyện, nên đình chỉ xét xử phúc thẩm theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận, bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

[5] Về án phí phúc thẩm: đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 148, 289, 312, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

1/- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Phan Văn Đ.

2/- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng N.

3/- Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm số 84/2025/HNGĐ-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ.

3/- Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn và bị đơn mỗi người phải chịu 300.000đ; chuyển số tiền đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ theo Biên lai số 0004009 ngày 02/10/2025 (của anh Đ) và Biên lai số 0004209 ngày 06/10/2025 (của chị N) thành án phí phúc thẩm; đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND.KV10-Cần Thơ;
- Phòng THADS KV10
- THADS TP. Cần Thơ;
- Lưu HS-VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Trần Tuấn Quốc**